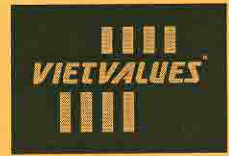


Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

REANDA

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo Hội đồng quản trị	02 - 06
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	09 - 10
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	13 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân (tên giao dịch là: PHU HOA TAN WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PHUWACO JSC) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 6653/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304796249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 01 năm 2007 và đã điều chỉnh lần thứ 3 vào ngày 09 tháng 08 năm 2013.

Hiện công ty đang đăng ký giao dịch Cổ phiếu trên sàn UPCOM.

Mã chứng khoán : PJS.

Vốn điều lệ : 90.000.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn cổ phần thuộc Nhà Nước	63.352.000.000	70,39
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	26.648.000.000	29,61
Cộng	90.000.000.000	100,00

Theo Quyết định số 607/QĐ-SGDHN ngày 10 tháng 11 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch Cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với nội dung như sau :

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: PJS
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 9.000.000 cổ phiếu.
- Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 90.000.000.000 đồng.

Theo thông báo số 2584/TB-CNVSD ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (CNVSD), VSD sẽ thực hiện chốt số dư đối với chứng khoán PJS đang lưu ký tại VSD để đăng ký từ HOSE sang UPCOM vào ngày 02 tháng 12 năm 2011. Kể từ 05 tháng 12 năm 2011 các hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán đối với chứng khoán PJS sẽ được VSD thực hiện trên sàn UPCOM.

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) – 3855 8410

Fax : +84 (28) – 3955 5282

Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 6 2 4 9

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước trong nhà (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng – sản xuất (trên địa bàn được phân công theo Quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước - dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng);
- Xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Lập dự án. Thẩm tra thiết kế. Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước. Giám sát xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế công trình cấp nước theo tuyến;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước. Tái lập mặt đường, vỉa hè;
- Mua bán nước tinh khiết. Mua bán vật tư, máy móc ngành nước;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Xử lý nền móng công trình;
- Duy tu sửa chữa công trình giao thông (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

4.1 Hội đồng Quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lý Kim Ngân	Chủ tịch	17/04/2017	
Bà Vũ Phương Thảo	Thành viên	17/04/2017	
Ông Phạm Khương Thảo	Thành viên	17/04/2017	
Ông Lê Hữu Quang	Thành viên	17/04/2017	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	17/04/2017	
Bà Dương Hồng Phương	Thành viên	17/04/2017	

4.2 Ban Kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Minh Đạt	Trưởng ban	17/04/2017	
Bà Phạm Thị Phương Linh	Thành viên	17/04/2017	
Ông Lê Trọng Thành	Thành viên	17/04/2017	

4.3 Ban Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Khương Thảo	Giám đốc	17/04/2017	
Ông Bùi Đức Sinh	Phó Giám đốc kỹ thuật	17/04/2017	
Ông Lê Trung Thành	Phó Giám đốc kinh doanh	17/04/2017	
Bà Dương Thị Mỹ Quý	Kế toán trưởng	17/04/2017	

5. Đại diện pháp luật

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Khương Thảo	Giám đốc	17/04/2017	

CÔNG
NH
TỔA
HỮU
1-77

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 09 đến trang 38.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2017.

TM. Hội đồng Quản trị



LÝ KIM NGÂN

Chủ tịch

Đ-Đ
Y
Đ-Đ
T-Đ
V-Đ
S-Đ

Số: 2303/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 01 tháng 8 năm 2017, từ trang 09 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKH kiểm toán số 1512-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- *Như trên.*
- *Lưu VIETVALUES.*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		73.676.220.537	75.513.424.164
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	22.811.140.022	28.318.512.485
111	1. Tiền		22.811.140.022	9.318.512.485
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	19.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		27.439.013.466	27.375.707.461
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	27.439.013.466	27.375.707.461
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.847.402.378	6.957.200.013
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.3	5.694.734.305	2.596.693.545
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.4	3.486.749.549	2.289.062.286
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5.5	952.651.516	2.358.250.732
137	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	5.6	(286.840.535)	(286.840.535)
138	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		107.543	33.985
140	IV. Hàng tồn kho		6.761.938.058	5.579.039.443
141	1. Hàng tồn kho	5.7	6.761.938.058	5.579.039.443
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.816.726.613	7.282.964.762
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.8	1.419.600.000	1.957.200.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.066.490.302	5.105.471.900
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5.14	1.330.636.311	220.292.862
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		125.726.816.404	132.611.567.005
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		105.635.817.483	114.394.176.985
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.9	104.241.720.937	112.650.180.425
222	- Nguyên giá		305.850.954.991	305.162.924.991
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(201.609.234.054)	(192.512.744.566)
227	2. Tài sản cố định vô hình	5.10	1.394.096.546	1.743.996.560
228	- Nguyên giá		2.249.100.076	2.249.100.076
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(855.003.530)	(505.103.516)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		17.424.364.903	14.013.393.604
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.11	17.424.364.903	14.013.393.604
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.666.634.018	4.203.996.416
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.8	2.666.634.018	4.203.996.416
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		199.403.036.941	208.124.991.169

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		80.684.788.399	82.408.532.753
310	I. Nợ ngắn hạn		80.684.788.399	82.408.532.753
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	5.12	40.632.576.646	44.032.503.910
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.13	1.941.847.409	762.473.667
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.14	2.465.225.619	2.230.362.321
314	4. Phải trả người lao động	5.15	7.677.499.108	11.562.507.878
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	233.596.898
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	5.16	7.463.352.679	2.152.557.214
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.17	17.500.000.000	17.500.000.000
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.18	3.004.286.938	3.934.530.865
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		118.718.248.542	125.716.458.416
410	I. Vốn chủ sở hữu	5.19	118.718.248.542	125.716.458.416
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		90.000.000.000	90.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		27.526.602.343	27.526.602.343
419	4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.191.646.199	8.189.856.073
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	8.189.856.073
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.191.646.199	-
422	7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		199.403.036.941	208.124.991.169

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu



CAO THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng



DƯƠNG THỊ MỸ QUÝ

Giám Đốc



PHẠM KHUÔNG THẢO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	154.636.923.702	150.969.854.718
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		154.636.923.702	150.969.854.718
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	113.045.173.499	102.948.345.451
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41.591.750.203	48.021.509.267
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	726.903.873	564.698.699
22	7. Chi phí tài chính		449.652.781	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		449.652.781	-
25	8. Chi phí bán hàng	6.4	24.832.609.882	21.791.366.913
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.5	16.451.594.373	14.479.243.855
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		584.797.040	12.315.597.198
31	11. Thu nhập khác	6.6	958.702.168	200.133.039
32	12. Chi phí khác		53.941.459	10.800.000
40	13. Lợi nhuận khác		904.760.709	189.333.039
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.489.557.749	12.504.930.237
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.14	297.911.550	2.632.076.865
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.191.646.199	9.872.853.372
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.7	102	844
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.8	102	844

* Mã số D.N. 12 K QUA

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu



CAO THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng



DƯƠNG THỊ MỸ QUÝ

Giám Đốc



PHẠM KHƯƠNG THẢO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.489.557.749	12.504.930.237
	2. Điều chỉnh cho các khoản		9.199.133.295	7.385.022.376
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		9.446.389.502	8.215.778.313
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(696.908.988)	(830.755.937)
06	- Chi phí lãi vay		449.652.781	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.688.691.044	19.889.952.613
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.961.564.216)	296.421.055
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.182.898.615)	240.226.234
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(6.030.036.977)	(13.749.461.787)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.074.962.398	1.085.894.718
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(449.652.781)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.300.000.000)	(1.653.773.701)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	7.1	(2.820.100.000)	(3.635.600.000)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		(1.980.599.147)	2.473.659.132
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.099.001.299)	(108.247.418)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	347.050.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.063.306.005)	(5.056.998.866)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		696.908.988	483.705.937
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(3.465.398.316)	(4.334.490.347)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(61.375.000)	(1.323.955.250)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(61.375.000)	(1.323.955.250)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(5.507.372.463)	(3.184.786.465)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		28.318.512.485	40.684.206.200
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	22.811.140.022	37.499.419.735

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc







CAO THỊ MỸ HƯƠNG

DƯƠNG THỊ MỸ QUÝ

PHẠM KHƯƠNG THẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân (tên giao dịch là: PHU HOA TAN WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PHUWACO JSC) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 6653/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ cung cấp nước sạch.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước trong nhà (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng – sản xuất (trên địa bàn được phân công theo Quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước - dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng);
- Xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Lập dự án. Thăm tra thiết kế. Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước. Giám sát xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế công trình cấp nước theo tuyến;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước. Tái lập mặt đường, vỉa hè;
- Mua bán nước tinh khiết. Mua bán vật tư, máy móc ngành nước;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Xử lý nền móng công trình;
- Duy tu sửa chữa công trình giao thông (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có 244 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 249 nhân viên).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Báo cáo này được lập cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại công ty bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Bảo hiểm nhân thọ

Chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên phát sinh một lần có giá trị lớn phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 6 tháng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao ước tính
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05-20
+ Máy móc và thiết bị	03-12
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-10

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính là 03 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ lương được ghi nhận Căn cứ vào Nghị quyết số 0340/QĐ-PHT-HĐQT ngày 11/04/2017 về quỹ tiền lương kế hoạch năm 2017 của Công ty.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.13 **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa (cung cấp nước sạch và vật tư ngành nước)

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng (xây lắp)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản giảm giá hàng bán.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành của công trình đã hoàn thành, bàn giao theo điều kiện hợp đồng, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm chi phí lãi vay.

4.18 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

- Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

- Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4.21 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	11.553.412	31.539.062
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.799.586.610	9.286.973.423
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	19.000.000.000
Cộng	<u>22.811.140.022</u>	<u>28.318.512.485</u>

5.2 Các khoản đầu tư tài chính*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>27.439.013.466</i>	<i>27.439.013.466</i>	<i>27.375.707.461</i>	<i>27.375.707.461</i>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	27.439.013.466	27.439.013.466	27.375.707.461	27.375.707.461
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	<u>27.439.013.466</u>	<u>27.439.013.466</u>	<u>27.375.707.461</u>	<u>27.375.707.461</u>

(*) Chủ yếu là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu các bên liên quan	-	-	4.657.085	-
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	-	-	4.657.085	-
- Phải thu nhà cung cấp khác	5.694.734.305	(286.840.535)	2.592.036.460	(286.840.535)
- Công ty TNHH Xây dựng Văn Phôn	371.045.000	-	371.045.000	-
- Công nợ tiền nước	5.320.389.305	(286.840.535)	2.217.691.460	(286.840.535)
- Khác	3.300.000	-	3.300.000	-
Cộng	5.694.734.305	(286.840.535)	2.596.693.545	(286.840.535)

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	1.052.149.323	1.052.149.323
- Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước	1.052.149.323	1.052.149.323
Trả trước cho người bán khác	2.434.600.226	1.236.912.963
- Công ty TNHH XD TM DV Hồng Đăng	965.619.609	906.096.240
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng D.N.A	465.738.296	-
- Công ty CP TM và DV Du lịch Hương Nam Việt	352.629.000	-
- Công ty TNHH MTV XD TM DV và Giải trí Phúc Lộc Thọ	175.000.000	-
- Khác	475.613.321	330.816.723
Cộng	3.486.749.549	2.289.062.286

5.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	801.022.170	2.083.336.927
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	801.022.170	2.083.336.927
Phải thu tổ chức và các cá nhân khác	151.629.346	274.913.805
- Tạm ứng nhân viên	151.629.346	140.542.488
- Các đối tượng khác	-	134.371.317
Cộng	952.651.516	2.358.250.732

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Là khoản dự phòng công nợ tiền nước không thu hồi được

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng cho khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	21.449.789	21.449.789
- Dự phòng cho khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	18.700.265	18.700.265
- Dự phòng cho khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm	39.217.346	39.217.346
- Dự phòng cho khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 3 năm trở lên	207.473.135	207.473.135
Cộng	286.840.535	286.840.535

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(286.840.535)	(258.130.019)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(28.710.516)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(286.840.535)	(286.840.535)

5.7 Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
5.7.1 Nguyên liệu, vật liệu	6.272.866.684	-	5.049.718.828	-
5.7.2 Công cụ, dụng cụ	1.380.960	-	1.380.960	-
5.7.3 Chi phí SXKD dở dang	335.529.206	-	375.778.447	-
5.7.4 Thành phẩm	-	-	-	-
5.7.5 Hàng hóa	152.161.208	-	152.161.208	-
Cộng	6.761.938.058	-	5.579.039.443	-

5.7.1 Nguyên liệu, vật liệu

Là vật tư ngành nước dùng để thi công, lắp đặt, thay thế hệ thống cấp nước và đồng hồ nước.

5.7.3 Chi phí SXKD dở dang

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thay mới trụ cứu hỏa 150,100	283.440.590	283.440.590
- Lắp đặt trụ cứu hỏa đợt 01/04 năm 2004	-	40.249.241
- Lắp đặt 800 trụ cứu hỏa phục vụ công tác chữa cháy	52.088.616	52.088.616
Cộng	335.529.206	375.778.447

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.8 Chi phí trả trước**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên chưa phân bổ hết. Tình hình tăng giảm trong năm chi tiết như sau :

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu kỳ	1.957.200.000	842.400.000
Tăng trong kỳ	884.400.000	853.200.000
Phân bổ trong kỳ	(1.422.000.000)	(842.400.000)
Số dư kỳ	1.419.600.000	853.200.000

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí sửa chữa lớn công trình sửa chữa ống nhánh 20Pb (C11/15) còn phân bổ.

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	4.203.996.416	6.397.385.852
Tăng trong kỳ	(440.667.680)	-
Phân bổ trong kỳ	(1.096.694.718)	(1.096.694.718)
Số dư cuối kỳ	2.666.634.018	5.300.691.134

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	12.905.456.746	2.941.872.317	283.994.572.913	5.321.023.015	305.162.924.991
2. Tăng trong kỳ	-	120.000.000	-	568.030.000	688.030.000
- Tăng do mua mới	-	120.000.000	-	568.030.000	688.030.000
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	12.905.456.746	3.061.872.317	283.994.572.913	5.889.053.015	305.850.954.991
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.485.139.876	658.600.644	129.212.999.077	1.036.526.375	132.393.265.972
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	6.985.708.594	2.085.668.987	179.620.928.429	3.820.438.556	192.512.744.566
2. Tăng trong kỳ	525.622.962	239.764.035	7.823.822.310	507.280.181	9.096.489.488
- Khấu hao trong kỳ	525.622.962	239.764.035	7.823.822.310	507.280.181	9.096.489.488
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	7.511.331.556	2.325.433.022	187.444.750.739	4.327.718.737	201.609.234.054
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	5.919.748.152	856.203.330	104.373.644.484	1.500.584.459	112.650.180.425
2. Tại ngày cuối kỳ	5.394.125.190	736.439.295	96.549.822.174	1.561.334.278	104.241.720.937

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.10 Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình:

Chỉ tiêu	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số đầu năm	2.249.100.076	2.249.100.076
2. Tăng trong kỳ	-	-
<i>Tăng do mua mới</i>	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	2.249.100.076	2.249.100.076
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	149.700.000	149.700.000
II. Giá trị hao mòn		
1. Số đầu năm	505.103.516	505.103.516
2. Tăng trong kỳ	349.900.014	349.900.014
<i>- Khấu hao trong kỳ</i>	349.900.014	349.900.014
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	855.003.530	855.003.530
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	1.743.996.560	1.743.996.560
2. Tại ngày cuối kỳ	1.394.096.546	1.394.096.546

303
C
KẾ
T
C
H
5-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ, chi phí phân bổ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
1. Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-
2. Xây dựng cơ bản dở dang	14.013.393.604	3.430.832.865	-	(19.861.566)	17.424.364.903
- Phát triển mạng lưới tăng áp D300 đường Trần Quý - Quận 11	6.667.781.180	-	-	-	6.667.781.180
- Phát triển mạng lưới tăng áp đường Lý Thường Kiệt, Bắc Hải, Tô Hiến Thành - Quận 10	3.367.971.428	615.974.470	-	-	3.983.945.898
- Phát triển mạng lưới tăng áp đường Thành Thái Phường 12, 14 - Quận 10	2.743.111.495	-	-	-	2.743.111.495
- Phát triển mạng lưới tăng áp đường Vĩnh Viễn (từ Nguyễn Tri Phương đến Ngô Quyền) - Quận 10	128.607.609	2.814.858.395	-	-	2.943.466.004
- Các công trình khác	1.105.921.892	-	-	(19.861.566)	1.086.060.326
3. Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	-	-
Cộng	14.013.393.604	3.430.832.865	-	(19.861.566)	17.424.364.903

128
ĐƠN
NHIE
JAN
JAI
TP.**5.12 Phải trả cho người bán ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	27.239.611.077	16.146.043.961
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	27.239.611.077	16.146.043.961
Phải trả các nhà cung cấp khác	13.392.965.569	21.775.297.298
- Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	3.107.077.514	9.618.502.031
- Công ty TNHH XD TM DV Hồng Đăng	1.859.423.845	5.932.634.447
- Công ty TNHH Đan Vĩ	3.317.679.305	3.317.679.305
- Công ty TNHH SX TM Xây dựng NTK	1.707.200.000	-
- Các đối tượng khác	3.401.584.905	9.017.644.166
Cộng	40.632.576.646	44.032.503.910

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	126.496.377	126.496.377
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	126.496.377	126.496.377
Trả trước của các khách hàng khác	1.815.351.032	635.977.290
- Công nợ tiền nước	1.571.079.831	564.198.504
- Các đối tượng khác	244.271.201	71.778.786
Cộng	1.941.847.409	762.473.667

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	69.303.049	297.911.550	1.300.000.000	-	1.071.391.499
Thuế thu nhập cá nhân	-	150.989.813	423.873.522	532.128.521	-	259.244.812
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	2.230.362.321	-	15.162.779.713	14.927.916.415	2.465.225.619	-
Cộng	2.230.362.321	220.292.862	15.887.564.785	16.763.044.936	2.465.225.619	1.330.636.311

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế suất thuế GTGT tiêu thụ nước sạch 5%
- Thuế suất thuế GTGT xây dựng, lắp đặt đồng hồ, bán đồng hồ, thanh lý tài sản cố định và các mặt hàng khác không phải là nước sạch 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%

(*) Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Là khoản phí bảo vệ môi trường thu hộ phải nộp cho cơ quan nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

		Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1)	1.489.557.749	12.504.930.237
(1) = (2) + (3)			
Các khoản điều chỉnh tăng:	(2)	-	-
+ Chi phí không được trừ		-	-
Các khoản điều chỉnh giảm:	(3)	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế (4) = (1) + (2) - (3)	(4)	1.489.557.749	12.504.930.237
Thuế TNDN phải nộp (20%)	(5)=(4)*20%	297.911.550	2.632.076.865
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	(6) = (5)	297.911.550	2.632.076.865

5.15 Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	1.286.806.897
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	-	1.286.806.897
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	7.463.352.679	865.750.317
- Cổ tức phải trả	6.813.643.900	575.018.900
- Ký cược ký quỹ	20.000.000	30.000.000
- Các đối tượng khác	629.708.779	260.731.417
Cộng	7.463.352.679	2.152.557.214

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Toàn bộ là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn, hạn mức số 6220-LAV-2016 00563/HĐTD ngày 18 tháng 05 năm 2016 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;

Hạn mức vay nợ	: 19.000.000.000 đồng;
Thời hạn vay	: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
Lãi suất vay	: Được quy định theo từng lần nhận nợ;
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động;
Ngày vay	: 28-12-16
Số tiền vay	: 17.500.000.000 .

Tài sản đảm bảo : Theo hợp đồng thế chấp quyền thu tiền số 6220-LCP-2016/HĐTC-QTT quyền thu tiền nước liên quan đến các dự án ngân hàng cung cấp tín dụng trên được phân công theo quyết định số 69/QĐ-TCT-TC ngày 31 tháng 08 năm 2005 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.403.483.142	1.480.356.073	2.368.620.000	-	1.515.219.215
Quỹ phúc lợi	1.531.047.723		41.980.000	-	1.489.067.723
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	409.500.000	409.500.000	-	-
Cộng	3.934.530.865	1.889.856.073	2.820.100.000	-	3.004.286.938

5.19 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**5.19a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	25.479.212.463	10.497.389.880	125.976.602.343
- Tăng trong năm trước	-	2.047.389.880	8.189.856.073	10.237.245.953
- Giảm trong năm trước	-	-	10.497.389.880	10.497.389.880
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	90.000.000.000	27.526.602.343	8.189.856.073	125.716.458.416
- Tăng trong kỳ	-	-	1.191.646.199	1.191.646.199
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này	-	-	1.191.646.199	1.191.646.199
- Giảm trong kỳ này	-	-	8.189.856.073	8.189.856.073
Số dư cuối kỳ này	90.000.000.000	27.526.602.343	1.191.646.199	118.718.248.542

5.19b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	70,39	63.352.000.000	63.352.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á	10,00	9.000.000.000	9.000.000.000
- Các Cổ đông khác	19,61	17.648.000.000	17.648.000.000
Cộng	100,00	90.000.000.000	90.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.19c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	90.000.000.000	90.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.300.000.000)	(6.300.000.000)

5.19d Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/1 cổ phiếu)	10.000	10.000

5.19e Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trích lập các quỹ và quỹ thưởng Ban điều hành. Chi tiết gồm:

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.047.389.880
- Trích quỹ khen thưởng	1.480.356.073	1.900.000.000
- Quỹ thưởng ban điều hành	409.500.000	250.000.000
- Chia cổ tức	6.300.000.000	6.300.000.000
Số cuối kỳ	8.189.856.073	10.497.389.880

5.19f Các quỹ của doanh nghiệp

	Phân phối từ lợi nhuận năm 2015	Phân phối từ lợi nhuận năm 2016	Tổng cộng
▪ Quỹ đầu tư phát triển	2.047.389.880	-	2.047.389.880
▪ Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.150.000.000	1.889.856.073	4.039.856.073
Cộng	4.197.389.880	1.889.856.073	6.087.245.953

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1a Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu nước	153.110.455.813	148.564.043.620
- Doanh thu lắp đặt, nâng dời ĐHN	1.277.486.071	2.254.715.514
- Doanh thu xây lắp	152.481.818	107.403.622
- Doanh thu vật tư	96.500.000	43.691.962
Cộng	154.636.923.702	150.969.854.718

6.1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn	152.481.818	107.403.622

6.2 Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn nước	111.992.198.697	101.149.726.323
- Giá vốn lắp đặt, nâng dời ĐHN	897.493.610	1.692.876.788
- Giá vốn xây lắp	63.596.340	65.537.932
- Giá vốn vật tư	96.500.000	40.204.408
Cộng	113.045.173.499	102.948.345.451

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	696.908.988	483.705.937
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	29.994.885	80.992.762
Cộng	726.903.873	564.698.699

6.4 Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên	9.552.935.472	8.431.150.883
- Chi phí vật liệu bao bì	3.869.214.529	3.392.395.994
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	95.834.000	62.691.110
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.958.320.107	7.097.232.300
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.348.660.877	2.014.580.638
- Chi phí bằng tiền khác	1.007.644.897	793.315.988
Cộng	24.832.609.882	21.791.366.913

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên	11.385.729.189	10.323.426.813
- Chi phí vật liệu quản lý	156.549.348	121.775.107
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	116.835.636	56.918.455
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.488.069.395	1.118.546.013
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.720.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.202.808.082	906.323.815
- Chi phí bằng tiền khác	2.098.602.723	1.948.533.652
Cộng	16.451.594.373	14.479.243.855

6.6 Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	155.000.000
- Thu nhập khác	958.702.168	45.133.039
Cộng	958.702.168	200.133.039

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.191.646.199	9.872.853.372
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		-
+ Các khoản điều chỉnh tăng		-
+ Các khoản điều chỉnh giảm(*)	(274.979.168)	(2.278.217.314)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	916.667.031	7.594.636.058
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cp)	9.000.000	9.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	102	844

(*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này là số tạm tính, tương ứng với tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 là 23,08% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty năm 2018.

6.8 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.191.646.199	9.872.853.372
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận		-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(274.979.168)	(2.278.217.314)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	916.667.031	7.594.636.058
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cp)	9.000.000	9.000.000
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	102	844

312
 ÔN
 NHÌ
 TOÁN
 UÃI
 TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.542.649.176	4.441.625.896
- Chi phí nhân công	21.208.345.112	19.454.013.450
- Chi phí công cụ, dụng cụ	212.669.636	119.609.565
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.446.389.502	8.215.778.313
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.709.728.896	2.164.978.628
- Các chi phí bằng tiền khác	3.125.511.883	3.632.969.640
Cộng	42.245.294.205	38.028.975.492

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)**7.1 Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh**

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.820.100.000)	(3.635.600.000)

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****8.1.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	Kỳ này	Kỳ trước
- Tiền lương Ban Điều hành	581.188.153	537.808.821
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	168.000.000	186.000.000
Cộng	749.188.153	723.808.821

8.1.2 Mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan khác**8.1.2a Mối quan hệ với các bên liên quan**

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn
1.	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	Công ty mẹ	70,39%
2.	Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Là Bên liên quan của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

8.1.2b Các giao dịch thực hiện trong năm với các bên liên quan**Các giao dịch thực hiện trong năm với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn**

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Mua hàng (Tổng giá trị) (*)	120.421.938.583	108.337.276.959
- Đã trả tiền mua hàng	108.692.262.623	110.040.767.856
- Chi trả cổ tức	-	-

(*) Giá mua đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các giao dịch thực hiện trong năm với Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Mua hàng (Tổng giá trị) (*)	654.500	80.256.000
- Đã trả tiền mua hàng	-	80.256.000

(*) Giá mua đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Số dư với các bên liên quan**8.1.3a Số dư cuối kỳ với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn**

Chi tiết gồm:	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu ngắn hạn khác	5.5	801.022.170	2.083.336.927
- Phải trả cho người bán ngắn hạn	5.12	27.239.611.077	16.146.043.961
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.13	126.496.377	126.496.377

8.1.3b Số dư cuối kỳ với Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước

Xem thuyết minh tại mục 5.4 – Trả trước cho người bán.



15-C
 TỶ
 ĐỒ H.
 TỰ V
 1E1
 CH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

8.2 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh nước sạch.
- Kinh doanh lắp đặt, nâng dời đồng hồ nước.
- Kinh doanh xây lắp.
- Kinh doanh vật tư.

	Kinh doanh Nước sạch	Kinh doanh lắp đặt, nâng dời Đồng hồ nước	Kinh doanh xây lắp	Kinh doanh vật tư	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng	153.110.455.813	1.277.486.071	152.481.818	96.500.000	154.636.923.702
Giá vốn hàng bán	111.992.198.697	897.493.610	63.596.340	91.884.852	113.045.173.499
Lãi gộp	41.118.257.116	379.992.461	88.885.478	4.615.148	41.591.750.203
- Kết quả kinh doanh không theo bộ phận					1.489.557.749
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					297.911.550
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					1.191.646.199
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng	148.564.043.620	2.254.715.514	107.403.622	43.691.962	150.969.854.718
Giá vốn hàng bán	101.149.726.323	1.692.876.788	65.537.932	40.204.408	102.948.345.451
Lãi gộp	47.414.317.297	561.838.726	41.865.690	3.487.554	48.021.509.267
- Kết quả kinh doanh không theo bộ phận					12.504.930.237
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					2.632.076.865
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					9.872.853.372

Khu vực địa lý

Các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ tại Việt Nam.

8.3 Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Địa chỉ: 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

8.4 Thông tin so sánh

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được điều chỉnh lại sau khi có Nghị quyết 002/NQ-PHT- ĐH ĐCĐ ngày của Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 ngày 17 tháng 04 năm 2017.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.872.853.372	9.872.853.372
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		-
+ Các khoản điều chỉnh tăng		-
+ Các khoản điều chỉnh giảm(*)	(2.021.960.371)	(2.278.217.314)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.850.893.001	7.594.636.058
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cp)	9.000.000	9.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	872	844

8.5 Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

8.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2017.

Người lập biểu



CAO THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng



DUYANG THỊ MỸ QUÝ

Giám đốc



PHẠM KHƯƠNG THẢO